

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG NGÀNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

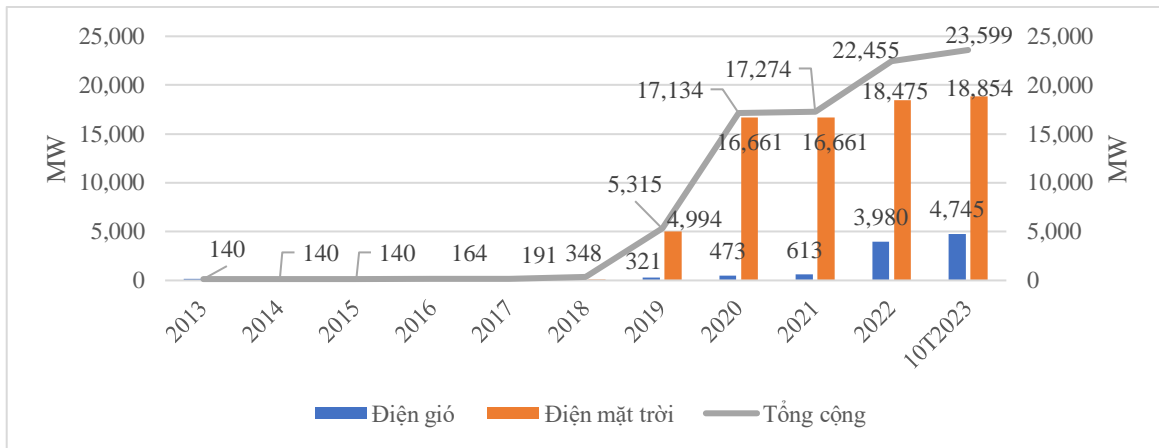
1.	<i>Thực trạng năng lượng tái tạo ở Việt Nam</i>	<i>2</i>
2.	<i>Chi phí đầu tư năng lượng tái tạo có xu hướng giảm trong tương lai.....</i>	<i>5</i>
3.	<i>Triển vọng ngành năng lượng tái tạo tại Việt Nam.....</i>	<i>7</i>
4.	<i>Một số doanh nghiệp năng lượng tái tạo tiềm năng</i>	<i>11</i>

1. Thực trạng năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Năng lượng tái tạo (gồm điện mặt trời và điện gió) được chú ý tại Việt Nam khá sớm. Cụ thể, trong Quy hoạch phát triển điện 7 của Việt Nam được công bố vào năm 2011 với mục tiêu tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo từ 3.5% năm 2010 lên tới 4.5% năm 2020 và 6% vào năm 2030. Đặc biệt phát triển điện gió đạt công suất 1.000 MW vào năm 2020 và 6.200 MW vào năm 2030.

Các lần điều chỉnh quy hoạch điện 7 đã nhiều lần nhấn mạnh ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo: Quyết định 11/2017/QĐ-TTg, Quyết định 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam; Quyết định 37/2011/QĐ-TTg, Quyết định 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam. Nhờ đó, trong giai đoạn 2018 - 2022, nguồn điện năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời tại Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ. Cụ thể, nếu như trước năm 2018 tổng công suất điện mặt trời chỉ là hơn 100 MW thì con số này đạt hơn 18,400 MW vào cuối năm 2022. Đối với điện gió, chỉ có khoảng 135 MW điện gió được đưa vào hoạt động trong năm 2015, thấp hơn một nửa so với mục tiêu PDP7 cho năm 2020 thì năm 2022 tổng công suất điện gió của Việt Nam đã tăng gấp 10 lần từ mức 320 MW vào năm 2018 lên 3.980 MW.

Tổng công suất điện gió và điện mặt trời thời điểm hiện tại (tháng 10/2023)



Nguồn: EVN, VEA (hiệp hội năng lượng Việt Nam)

Tính tới hiện tại: Lũy kế đến ngày 10/11/2023, 21 nhà máy/phần nhà máy năng lượng tái tạo (NLTT) chuyển tiếp (tổng công suất 1.201,42MW) hoàn thành thủ tục COD đã phát điện thương mại lên lưới với sản lượng điện (tính từ thời điểm COD) gần 793,4 triệu kWh. Ngoài ra, số lượng dự án đã gửi hồ sơ đàm phán giá điện, hợp đồng mua bán điện là 81/85 dự án (tăng 21 dự án so với báo cáo lần gần nhất của chúng tôi) với tổng công suất 4.597,86MW. Trong đó, 69 dự án với tổng công suất 3.927,41MW đề nghị giá tạm bằng 50% giá trần của khung giá theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của Bộ Công Thương. EVN và chủ đầu tư đã hoàn thành đàm phán giá và ký tắt hợp đồng

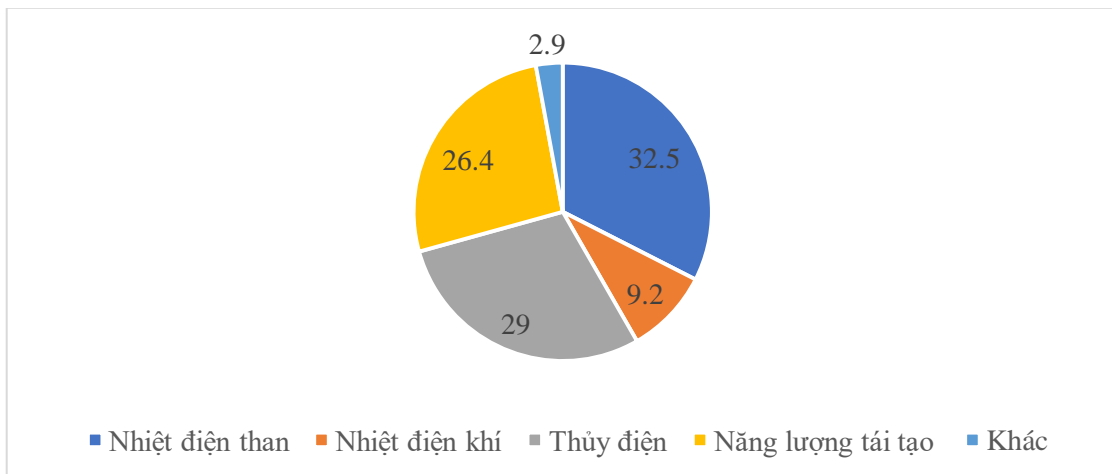
PPA với 63/69 dự án. Bộ Công Thương đã phê duyệt giá tạm cho 62 dự án, tổng công suất 3.399,41MW. 24 dự án đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu công trình/một phần công trình, 30 dự án đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực toàn nhà máy/một phần nhà máy; 40 dự án đã có quyết định gia hạn chủ trương đầu tư.

Hiện còn 4 dự án với tổng công suất 136,70MW chưa gửi hồ sơ đàm phán, trong đó có 3 dự án điện gió với tổng công suất là 91,7 MW và 1 dự án điện mặt trời công suất 45 MW.

1.1 Quy mô và sản lượng năng lượng tái tạo đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu nguồn điện

Về quy mô: công suất năng lượng tái tạo cuối năm 2022 đạt hơn 22,400 MW trong đó điện mặt trời đạt hơn 18,400 MW và điện gió đạt 3,980 MW. Tổng công suất năng lượng tái tạo chiếm hơn 26% tổng công suất điện toàn hệ thống – tăng 30% so với năm 2021.

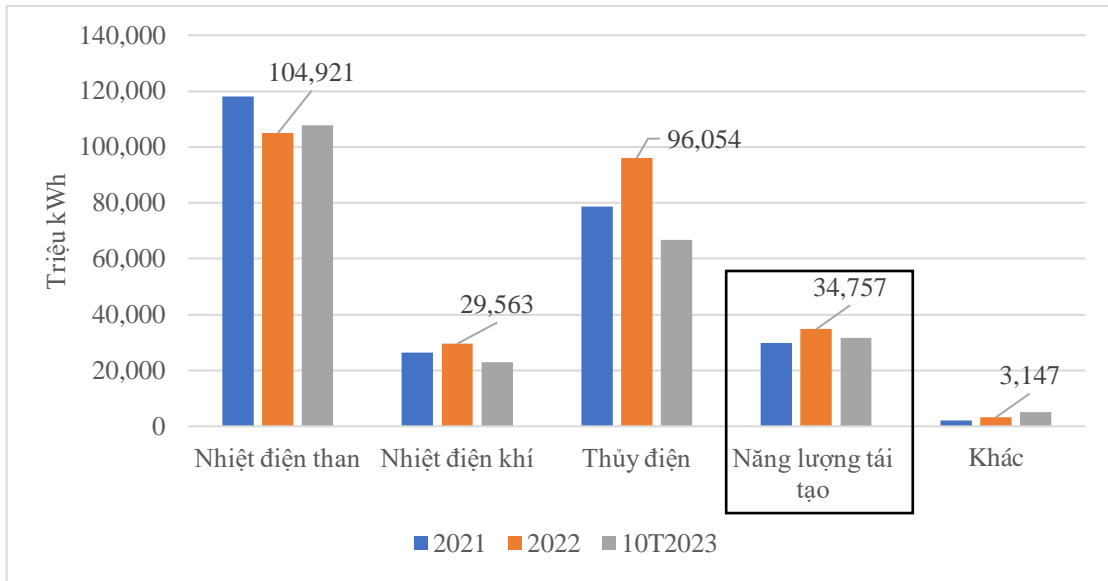
Cơ cấu công suất nguồn điện năm 2022 (%)



Nguồn: EVN

Về sản lượng: sản lượng điện năng lượng tái tạo năm 2022 đạt 34,757 triệu kWh tăng gần 17% so với cùng kì và chiếm 13% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống.

Sản lượng điện sản xuất theo nguồn



Nguồn: EVN

Trong 10 tháng đầu năm 2023 sản lượng điện năng lượng tái tạo tiếp tục tăng so với cùng kì, đạt 31,580 triệu kWh chiếm 13,5 % tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống và tăng 5.7% so với cùng kì năm trước.

1.2 Chính sách mua điện và ưu đãi đối với năng lượng tái tạo:

Tại Việt Nam, Chính phủ đã khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực điện từ năng lượng tái tạo: Quyết định 11/2017/QĐ-TTg, Quyết định 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam; Quyết định 37/2011/QĐ-TTg, Quyết định 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.

Ưu đãi về vốn đầu tư, thuế, phí:

- Nhà đầu tư được huy động vốn dưới các hình thức pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án điện gió.
- Các dự án năng lượng tái tạo được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của Nhà nước.
- Dự án năng lượng tái tạo được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án, hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Dự án năng lượng tái tạo được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ưu đãi về hạ tầng đất đai: Các dự án năng lượng tái tạo và công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Bảng giá mua điện năng lượng tái tạo

	Mức giá ưu đãi				Mức giá chuyển tiếp		
	VND/kwh	Uscent/kwh	Ghi chú	Điều kiện	VND/kwh	Ghi chú	Thay đổi (%)
ĐMT mặt đất	1644	7.09	QD 13/2020/TTg	COD từ 1/7/2019 - 31/12/2020	1184	QD 21/BCT	-27.9
ĐMT nổi	1783	7.69	QD 13/2020/TTg	COD từ 1/7/2019 - 31/12/2020	1508	QD 21/BCT	-15.4
Điện gió gần bờ	1928	8.5	QD 39/2018/TTg	COD trước 1/11/2021	1587	QD 21/BCT	-17.7
Điện gió ngoài khơi	2233	9.8	QD 39/2018/TTg	COD trước 1/11/2021	1816	QD 21/BCT	-18.3

Nguồn: EVN, BCT, Kirin Capital tổng hợp

Hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nổi lưới: Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án điện gió với giá mua điện tại thời điểm giao nhận. Giá mua điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD. Chính phủ quy định bên mua điện - EVN, hay các đơn vị được ủy quyền có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án năng lượng tái tạo với giá tại điểm giao nhận điện là như trên. Mức giá này được tính trong vòng 20 năm. Đồng thời, bên bán điện có thể kéo dài thời gian hợp đồng, hoặc ký hợp đồng mới với bên mua điện.

Tuy nhiên, ngày 07/01/2023, Bộ Công Thương ban hành quyết định số 21/QĐ-BCT về “Khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp” với khung giá trần mới thấp hơn rất nhiều so với mức giá FIT ưu đãi trước đây, mức giảm mạnh nhất ở loại hình ĐMT mặt đất ở mức -27,9%, mức giá mới tại các loại hình khác có mức giảm từ 15%-18%. Điều này đã gây lên sự bất đồng giữa các chủ đầu tư năng lượng tái tạo và bên mua điện là EVN. Tuy nhiên, tới thời điểm hiện tại thì 81/85 dự án năng lượng tái tạo chuyển tiếp đã có sự đồng thuận với EVN về cơ chế giá mới.

2. Chi phí đầu tư năng lượng tái tạo có xu hướng giảm trong tương lai

Theo báo cáo mới nhất của Cơ quan năng lượng tái tạo quốc tế IRENA chi phí sản xuất năng lượng tái tạo năm 2022 giảm 3% đối với điện mặt trời và 5% đối với điện gió. Chúng tôi cho rằng chi phí sản xuất năng lượng tái tạo tiếp tục giảm trong thời gian tới khi giá kim loại như nhôm, đồng... các nguyên liệu chính sản xuất pin năng lượng mặt trời hay turbin gió giảm mạnh so với giai đoạn 2021 – 2022.



Nguồn: <https://tradingeconomics.com/commodity>

Chi phí đầu tư điện gió giai đoạn 2020 -2045

	Năm bắt đầu vận hành	Chi phí xây dựng (kUSD/ MW)	Chi phí vận hành và bảo trì (kUSD/MW)	Tuổi thọ (năm)
Điện gió onshore cao	2020 - 2024	1650	40,86	27
	2025 - 2029	1474	38,5	29
	2030 - 2039	1348	36,2	30
	2040 - 2045	1245	34	30
Điện gió onshore trung bình	2020 - 2024	1947	47,9	27
	2025 - 2029	1738	45,4	29
	2030 - 2039	1531	43	30
	2040 - 2045	1378	40,7	30
Điện gió onshore thấp	2020 - 2024	2038	50,1	27
	2025 - 2029	1820	47,6	29
	2030 - 2039	1602	44,9	30

	2040 - 2045	1493	42,7	30
Điện gió offshore móng cố định	2020 - 2024	3110	81	27
	2025 - 2029	2940	75,3	29
	2030 - 2039	2503	43	30
	2040 - 2045	2150	39,5	30
Điện gió offshore móng nổi	2020 - 2024	4310	138,9	27
	2025 - 2029	3910	129,2	29
	2030 - 2039	3114	60,4	30
	2040 - 2045	2577	44,2	30

Nguồn: Quy hoạch điện 8

Chi phí đầu tư điện mặt trời giai đoạn 2020 -2045

		Chi phí xây dựng (kUSD/MW)	Chi phí vận hành và bảo trì cố định (kUSD/MW)	Tuổi thọ (năm)
ĐMT quy mô lớn	2020 - 2024	1,009	9.2	20
	2025 - 2029	911	8.25	
	2030 - 2039	806	7.3	
	2040 - 2045	696	6.75	
ĐMT áp mái	2020 - 2024	1,009	18.56	20
	2025 - 2029	911	16.53	
	2030 - 2039	806	14.51	
	2040 - 2045	696	12.91	

Nguồn: Quy hoạch điện 8

3. Triển vọng ngành năng lượng tái tạo tại Việt Nam

Vị trí địa lý thuận lợi để phát triển năng lượng tái tạo

Điện gió:

Việt Nam với đặc điểm địa lý lợi thế, đường bờ biển trải dài hơn 3.200 km và khí hậu cận nhiệt đới gió mùa, đã được khảo sát và đánh giá có tiềm năng gió lớn trong khu vực. Việc xây dựng các nhà máy điện gió là một giải pháp hợp lý, đóng góp tăng đáng kể nguồn sản xuất điện của Việt Nam trong những năm tới. Theo Bản đồ Gió Toàn cầu (Global Wind Atlas) ước tính, hơn 39% diện tích của Việt Nam có tốc độ gió trung bình hàng năm trên 6 m/s ở độ cao 65 m và hơn 8% diện tích đất liền của Việt Nam có tốc độ gió trung bình hàng năm trên 7 m/s. Điều này tương ứng với tiềm năng tài nguyên gió là 512 GW và 110 GW. Tiềm năng kỹ thuật của điện gió trên bờ vào khoảng 42 GW phù hợp với dự án điện gió quy mô lớn. Theo báo cáo của Viện Năng lượng năm 2020, tổng tiềm năng kỹ thuật điện gió ngoài khơi của nước ta là khoảng 160 GW, trong đó Quảng Ninh (11 GW); Hà Tĩnh (4,4 GW); Ninh Thuận (25 GW); Bình Thuận (42 GW); Trà Vinh (20 GW). Viện nghiên cứu Năng lượng bền vững (ISF) ước tính tiềm năng gió ngoài khơi của Việt Nam có thể lên tới 609 GW, giả thiết chỉ

tính đến các khu vực ven biển với độ sâu tối đa là 50 m và khoảng cách tối đa từ bờ là 70 km (dựa trên dữ liệu khí tượng năm 2015).

Tiềm năng điện gió trên đất liền theo các vùng

Khoảng tốc độ gió (m/s)	Tiềm năng (km ²)			Tiềm năng (MW)		
	Bắc	Trung	Nam	Bắc	Trung	Nam
4,5 - 5	1.898	11.807	2.955	9.679	60.218	15.069
5 - 5,5	474	8.139	8.141	2.412	41.508	41.517
5,5 - 6	83	4.246	3.287	421	21.738	16.764
6 - 6,5	7	1.187	56	37	6.051	284
6,5 - 7	3	238	0	15	1.213	0
7 - 7,5	0	59	0	0	303	0
> 8	0	14	0	0	72	0

Tiềm năng điện gió trên biển theo các vùng

Khu vực	Diện tích (km ²)				Tiềm năng (MW)			
	6 - 6,5 (m/s)	6,6 - 7 (m/s)	7,1 - 8 (m/s)	>8 (m/s)	6 - 6,5 (m/s)	6,6 - 7 (m/s)	7,1 - 8 (m/s)	>8 (m/s)
Bắc Bộ	1.578	971	0	0	8.048	4.952	0	0
Bắc Trung Bộ	607	266	107	0	3.095	1.357	545	0
Nam Trung Bộ	4.671	2.000	4.540	0	23.821	10.200	23.154	1
Nam Bộ	3.808	1.330	0	5.138	19.419	6.783	0	0

Nguồn: Quy hoạch điện 8

Diện mặt trời:

Việt Nam ở gần xích đạo và tồn tại những vùng khô nắng nhiều như các tỉnh Nam Trung bộ, với tổng số giờ nắng cao lên đến 2,500 giờ/năm, tổng lượng bức xạ trung bình năm vào khoảng 230-250 kcal/cm²/ngày. Vì thế, sử dụng năng lượng mặt trời cho phép phát huy tiềm năng sẵn có để đáp ứng nhu cầu điện tăng cao và phù hợp với chiến lược phát triển năng lượng trong thời gian tới. Tại Việt Nam, sở hữu số giờ nắng nhiều như vậy và không có sự chênh lệch quá lớn ở mỗi vùng thì khu vực nào cũng có tiềm năng về điện năng lượng mặt trời. Tại khu vực miền Nam, lượng bức xạ mặt trời nhìn chung ở mức ổn định. Ở khu vực miền Bắc, lượng bức xạ mặt trời vào mùa hạ và mùa thu khá

cao cũng gần tương đương khu vực miền Nam, nhưng vào mùa Đông và mùa Xuân thì lượng bức xạ ánh sáng bị giảm và giữ chỉ số không quá cao.

Tiềm năng điện mặt trời theo các vùng

Vùng	Cường độ bức xạ mặt trời (kWh/m ² /ngày)	Ứng dụng điện mặt trời
Đông Bắc	3.3 – 4.1	Trung bình
Tây Bắc	4.1 – 4.9	Trung bình
Bắc Trung Bộ	4.6 – 5.2	Tốt
Tây Nguyên và Nam Trung Bộ	4.9 – 5.7	Rất tốt
Nam Bộ	4.3 – 4.9	Rất tốt
Cả nước	4.6	Tốt

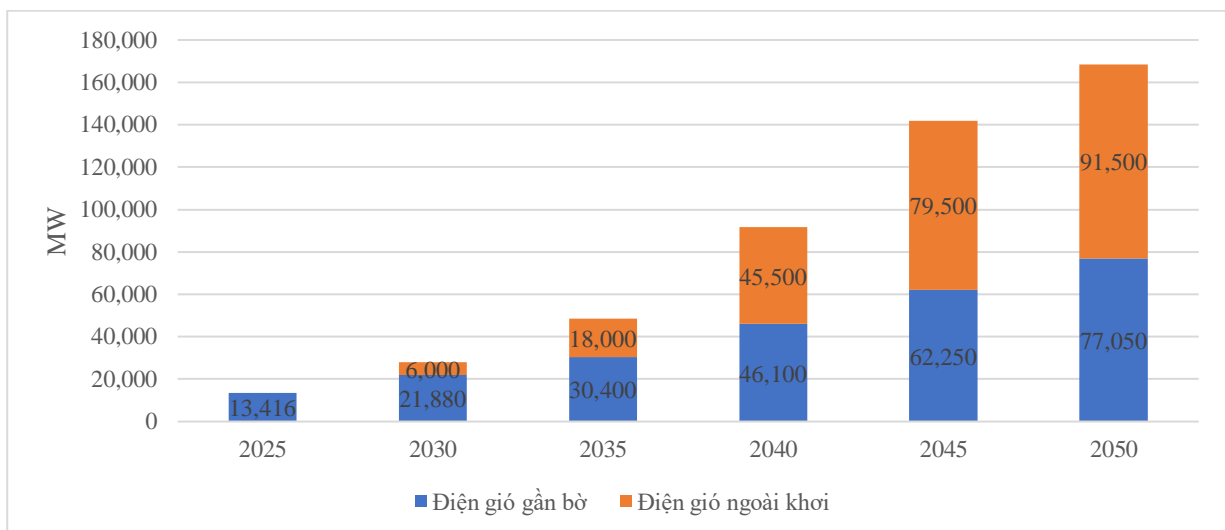
Nguồn: Quy hoạch điện 8

Quy hoạch điện 8 – động lực phát triển dài hạn và bền vững đối với năng lượng tái tạo

Quy hoạch điện 8 đặc biệt nhấn mạnh việc ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo nhất là điện mặt trời, điện gió trong giai đoạn tới khi Việt Nam cam kết phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Cụ thể,

Với điện gió

Công suất phát triển điện gió giai đoạn 2025 -2050



Nguồn: EVN

Đến năm 2030: Đây là giai đoạn điện gió được ưu tiên phát triển mạnh mẽ so với công suất hiện tại do dư địa phát triển còn lớn so với điện mặt trời.

Tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước 150.489 MW (không bao gồm xuất khẩu, điện mặt trời mái nhà hiện hữu, năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới), trong đó:

- + Điện gió trên bờ 21.880 MW (14,5% tổng công suất các nhà máy điện);
- + Điện gió ngoài khơi 6.000 MW (4,0%), trường hợp công nghệ tiến triển nhanh, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý thì phát triển quy mô cao hơn;

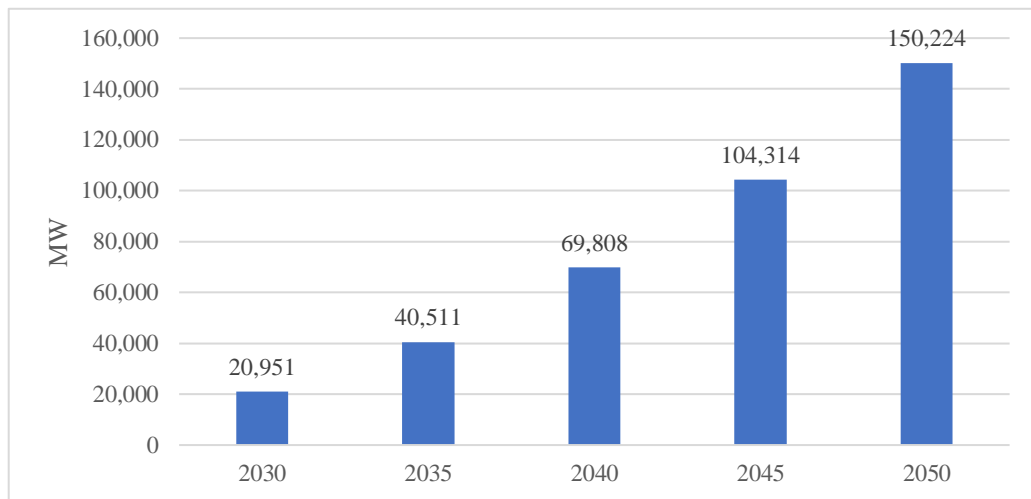
Định hướng năm 2050:

- + Điện gió trên bờ 60.050 - 77.050 MW (12,2 - 13,4%);
- + Điện gió ngoài khơi 70.000 - 91.500 MW (14,3 - 16%);

Với điện mặt trời

Do công suất lắp đặt điện mặt trời hiện tại đã tiệm cận kế hoạch tới năm 2030. Vì vậy, từ nay đến năm 2030 chưa có thêm các nguồn ĐMT tập trung được đưa vào. Nhưng các loại hình ĐMT mái nhà (tự sản, tự tiêu) được phép phát triển mạnh. Kế hoạch phát triển quy mô điện mặt trời lên đến 20.591 MW vào năm 2030 và 189.000 MW vào năm 2050.

Công suất phát triển điện mặt trời giai đoạn 2023 -2050



Nguồn: EVN

Đến năm 2030:

Điện mặt trời 12.836 MW (8,5%, không bao gồm điện mặt trời mái nhà hiện hữu), gồm các nguồn điện mặt trời tập trung 10.236 MW, nguồn điện mặt trời tự sản, tự tiêu khoảng 2.600 MW. Nguồn điện mặt trời tự sản, tự tiêu được ưu tiên phát triển không giới hạn công suất;

Định hướng năm 2050:

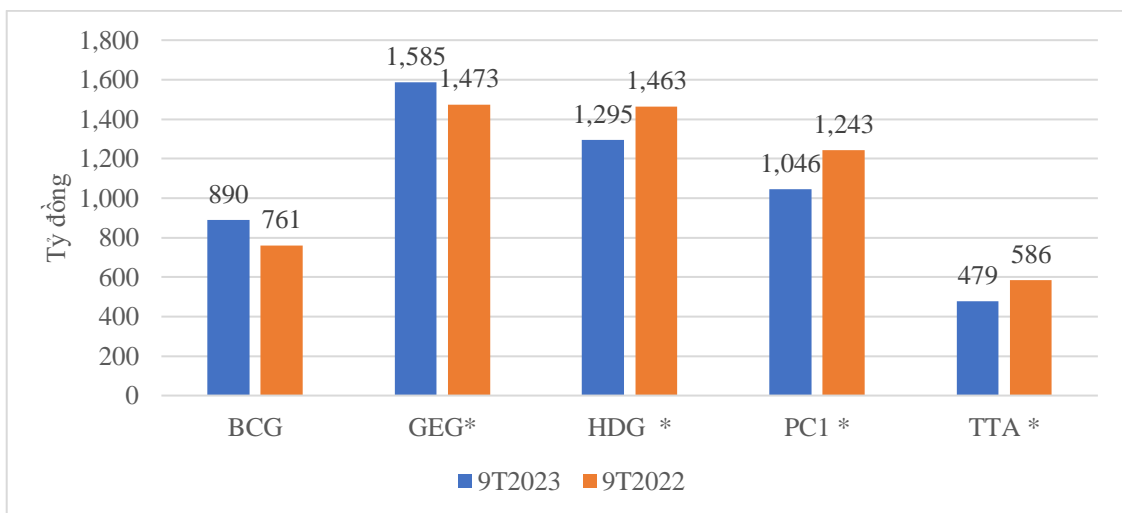
Điện mặt trời 168.594 - 189.294 MW (33,0 - 34,4%);

4. Một số doanh nghiệp năng lượng tái tạo niêm yết

Hiện nay trên sàn chứng khoán có 2 doanh nghiệp đang thuận vận hành và khai thác dự án năng lượng tái tạo bao gồm GEG (489 MW) và TTA (137 MW) và một số doanh nghiệp khác cũng có mảng năng lượng tái tạo như BCG (542 MW), HDG (148 MW), PC1 (144 MW), ASM (210 MW).... Còn lại là những doanh nghiệp vận hành các dự án ở quy mô nhỏ với công suất khoảng 50 MW.

Biên lợi nhuận cao, nguồn thu ổn định: nhờ tận dụng được ưu đãi từ chính chủ cùng với chi phí đầu vào giảm dần qua các năm đặc biệt là giai đoạn 2010 – 2015 giúp biên lợi nhuận gộp mảng điện mặt trời luôn ở mức cao, khoảng 50%, thậm chí GEG đạt mức 55% và TTA đạt hơn 60%. Điều này giúp bức tranh KQKD của nhiều doanh nghiệp điện mặt trời như GEG, BCG, TTA tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2019 – 2021. Tuy nhiên, đà tăng này đang và sẽ bị chững lại bởi giá bán điện mới thấp hơn so với giá trước – đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án chuyển tiếp. Cụ thể, có thể thấy ngoài GEG và BCG – 2 doanh nghiệp sở hữu quy mô công suất năng lượng tái tạo lớn nhất trên sàn đều ghi nhận doanh thu mảng này tăng trưởng sau 9 tháng năm 2023 lần lượt là 7.6% và 17% so với cùng kì năm trước, Ngoài ra, các doanh nghiệp khác như HDG, TTA và PC1 đều ghi nhận doanh thu mảng điện giảm so với cùng kì. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các doanh nghiệp này đang sở hữu lợi thế dài hạn khi các dự án đều vận hành trước và được hưởng giá bán cao sẽ ảnh hưởng tích cực tới KQKD sắp tới.

KQKD mảng điện của một số doanh nghiệp



*: bao gồm thủy điện, điện gió và điện mặt trời

Nguồn: Kirin Capital tổng hợp

Kết luận: Chúng tôi đánh giá tích cực đối với ngành năng lượng tái tạo trong thời gian tới, khi giá điện chuyển tiếp đã được thống nhất trong thời gian vừa qua. Quy hoạch điện 8 được thông qua đã cho thấy động lực tăng trưởng bền vững và dài hạn đối với năng lượng tái tạo. Ngoài ra, hiện tượng El

nino dự báo sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ trong 1 – 2 năm tới cũng sẽ góp phần đẩy mạnh huy động từ năng lượng tái tạo qua đó ảnh hưởng tích cực tới các doanh nghiệp năng lượng tái tạo.

Phụ lục: quy mô các nhà máy năng lượng tái tạo của các doanh nghiệp niêm yết

	Tên	Công suất (MW)	Vận hành
BCG	BCG Long An 1	40.6	2019
	BCG Long An 2	100.5	2020
	BCG Phù Mỹ	330	Giai đoạn 1 năm 2020 (214MW), công suất chuyển tiếp đã COD (88.5 MW)
	BCG Vĩnh Long	49.3	2020
	BCG Krong Pa 2	49	Dự án chuyển tiếp, đã gửi hồ sơ đàm phán với EVN
GEG	TTC Krong Pa	69	2018
	TTC Phong Điền	48	2018
	TTC Trúc Sơn	44	2019
	TTC Đức Huệ1	49	2019
	TTC Hàm phú 2	49	2019
	TTC Tân Phú Đông 1	100	2023
	TTC V.P.L Bến Tre	30	2021
	TTC Tân Phú Đông 2	50	2021
	TTC La Bang 1	50	2021
TTA	Hồ Núi Một 1	50	2020
	Hồ Bầu Ngủ	61	2019
	Điện gió Phương Mai	26	2021
HDG	Hồng Phong 4	48	2019
	Hà Đô Ninh Phước	50	2020
	Điện gió 7A	50	2021
GEX	Gelex Ninh Thuận	50	2019
	Gelex Quảng Trị	88	2021
	Gelex Hướng Phùng	50	2021
HID	Điện mặt trời Hậu Giang	29	2020
	Phong điện Phương Mai 3	21	2020
LIG	LIG - Quảng Trị	49.5	2019
ASM	Sao Mai An Giang	210	2019
PC1	Liên Lập	48	2021
	Phong Huy	48	2021
	Phong Nguyên	48	2021
HIO	Điện mặt trời mái nhà tại Bình Thuận, Đồng Nai, Vũng Tàu, Đak Lak, Đắc Nông, Bình Dương	38.1	2020

Nguồn: Kirin Capital tổng hợp

Về Kirin Capital

Kirin Capital (dưới đây gọi tắt là Kirin), là một tổ chức đầu tư vốn cổ phần tư nhân nghiên cứu chuyên sâu tại Việt Nam với tôn chỉ “Know Vietnam, Long Vietnam”. Là công ty đầu tư vốn cổ phần tư nhân hiểu rõ Việt Nam nhất, dựa trên tầm nhìn “trao quyền cho doanh nhân, đồng hành cùng người thành công”, Kirin tìm kiếm các dự án có giá trị đầu tư dài hạn và tăng trưởng cao tại Việt Nam. Từ đó, Kirin tạo cơ hội cho các nhà đầu tư khắp nơi trên thế giới đầu tư vào Việt Nam cũng như chia sẻ lợi nhuận từ sự phát triển nhanh chóng mà Việt Nam mang lại.

Nội dung trên chỉ là một phần báo cáo của Nhóm nghiên cứu Kirin Capital. Nếu Quý Nhà đầu tư có bất kỳ nhu cầu hợp tác, nghiên cứu chuyên sâu nào, vui lòng liên hệ:

Ông Vũ Văn Thức - Chuyên gia tài chính

+84 936 492 884/0355 514 701

thucvv@kirincapital.vn

